

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2017

V/v tranh chấp: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vận

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thủy

Bà Nguyễn Thị Dụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2017/QĐ-PTDS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh T sinh năm 1984, chị Quách Thị N sinh năm 1981.

Đều cư trú tại: Xóm B, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964

- Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1964

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974

Đều cư trú tại: Xóm B, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2014 vợ chồng anh Nguyễn Khánh T, chị Quách Thị N có đặt ông đóng 09 bộ cửa, 14 cánh bằng gỗ sến, giá 42.000.000^d (bốn mươi hai triệu đồng); ông H đã lắp xong cửa cho anh T, chị N, nhưng anh T, chị N chưa thanh toán tiền cửa cho ông H. Đầu năm 2015 anh T, chị N vỡ nợ nên đã gọi cho ông H đến gỡ cửa về để bán nhà, đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T ở xóm Công Nhân. Hai vợ chồng ông T, bà B biết vợ chồng anh T, chị N chưa thanh toán tiền cửa cho ông H, đã đến gặp ông H nói với ông H để lại cho 09 bộ cửa và ông bà sẽ thanh toán cho ông H toàn bộ tiền cửa khi ông bà nhận chuyển nhượng nhà, đất xong với anh T, chị N.

Ngày 03/04/2015, bà B, ông T, ông H và anh T, 04 người đã làm bản cam kết; nội dung hết 15 ngày bà B nhận các giấy tờ chuyển nhượng nhà, đất hợp pháp từ anh T, chị N thì bà B có trách nhiệm trả số tiền cửa 42.000.000^d (mà anh T và chị N còn nợ ông H) cho ông H;

Ngày 01/02/2016, bà B đã trả cho bà Nguyễn Thị H1(vợ ông H) 10.000.000^d (Mười triệu đồng) tiền cửa.

Ngày 07/05/2015 bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ CH14278, diện tích 88,8 m², thửa số 73, tờ bản đồ số 80 xóm B, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, Mang tên Nguyễn Thị B. Tuy nhiên vợ chồng bà không thanh toán nốt 32.000.000đ tiền cửa cho ông H nên ông H đã làm đơn khởi kiện vợ chồng anh T, chị N tại Tòa án huyện Y; yêu cầu phải trả 32.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền cửa cho ông H.

- Bị đơn anh Nguyễn Khánh T trình bày:

Anh T trình bày thống nhất với lời khai của ông H về thời gian đặt ông H đóng cửa (năm 2014), số lượng cửa đặt đóng (9 bộ cửa, 14 cánh), số tiền cửa anh T phải trả là 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng).

Do anh T, chị N nợ tiền bà B không có khả năng thanh toán nên đã thỏa thuận chuyển nhượng nhà, đất cho bà B.

Anh T trình bày thống nhất với ông H về việc bà B nhận trả 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền cửa cho ông H thay anh, với điều kiện sau 15 ngày bà B nhận được giấy tờ nhận chuyển nhượng nhà, đất hợp pháp từ anh T, chị N như bản cam kết ngày 03/4/2015. Tuy nhiên, sau khi bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B không thực hiện đúng bản cam kết đã ký ngày 03/4/2015. Do đó, anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà B thanh toán cho ông H 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền cửa mà bà đã ký vào bản cam kết ngày 03/4/2015.

Đồng bị đơn chị N trình bày thống nhất với lời khai của anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải thanh toán cho ông H 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền cửa như bản cam kết ngày 03/4/2015.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Bùi Xuân T trình bày:

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Ngày 03/3/2015 bà có mua nhà, đất của anh T, chị N. Sau khi bà mua nhà, đất của anh T, chị N thì ông H đến đòi anh T, chị N trả tiền, anh T, chị N xin khất nợ nhưng ông H không cho, ông H có nhờ bà B đứng ra bảo lãnh giữ nguyên hiện trạng 09 bộ cửa, 14 cánh trong vòng 15 ngày để ông H đòi nợ nhà anh T, chị N nhưng ông H không đòi được quay sang đòi bà. Ngày 23/12/2015 âm lịch bà B đã đưa 10.000.000^d (Mười triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông H); trong đó bà trả ông H 3.000.000^d tiền giường, trả hộ cho anh T, chị N 7.000.000^d tiền cửa cho ông H.

Ông Bùi Xuân T trình bày: Anh T, chị N nợ gia đình ông 900.000.000^d (Chín trăm triệu đồng), không có khả năng thanh toán nên phải bán nhà, đất cho gia đình ông. Khi ông mua nhà, đất của anh T, chị N thì ông H có ký chứng kiến, ông không hợp đồng đóng cửa với ông H, không cam kết trả tiền cửa cho ông H. Ông H khởi kiện yêu cầu ông và bà B (vợ ông) phải trả 42.000.000^d (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền cửa cho ông H, ông không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông H) trình bày: Anh T, chị N có hợp đồng đóng cửa với ông H (chồng bà), khi hoàn thiện lắp đặt cửa nhà anh T, chị N xong thì anh T, chị N chưa trả tiền. Sau đó anh T, chị N vỡ nợ phải bán nhà cho bà B, ông T. Trước khi bán nhà anh T đã gọi điện cho ông H đến gỡ cửa về, nhưng do bà B, ông T nói là cứ để cửa đấy cho ông bà, chờ ông bà làm thủ tục chuyển nhượng nhà, đất xong với anh T, chị N thì sẽ trả tiền cho ông H. Ngày 23/12/2015 âm lịch bà B trả cho bà 10.000.000^d tiền cửa, có làm giấy tờ nội dung trả tiền cửa, bà B đã ký, ghi rõ họ tên. Tại phiên Tòa bà H1 yêu cầu bà B trả nốt số tiền cửa còn lại 32.000.000^d cho gia đình bà.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H về việc “Kiện đòi tài sản (tiền)”.

2. Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn H 32.000.000^d (Ba mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/6/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Xuân T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nghĩa vụ trả nợ 32.000.000 đồng tiền cửa thuộc về vợ chồng anh T chị N chứ không phải vợ chồng bà như án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 26/6/2017, viện kiểm sát nhân dân huyện Y kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y vì lý do xác định sai quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát xin rút một phần kháng nghị về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, giữ nguyên yêu cầu kháng nghị về xác định quan hệ tranh chấp.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào bản cam kết ngày 03/4/2015 để buộc ông bà B T phải trả nợ là không đúng vì cam kết này đã hết hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký kết nên không còn giá trị nữa. Nội dung kháng cáo của ông bà B T là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo. Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y cho rằng đây là tranh chấp về hợp đồng gia công là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ ông H nhận gia công 9 bộ cửa theo kích thước, mẫu mã mà anh chị T N yêu cầu. Anh chị T N đã nhận sản phẩm và phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông H nhưng không trả được nên ông H khởi kiện yêu cầu anh T chị N phải trả số tiền cửa. Nên quan hệ trên là tranh chấp hợp đồng gia công, lắp đặt cửa gỗ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét, ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1.Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Xuân T:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và lời khai của vợ chồng anh Nguyễn Khánh T và chị Quách thị N đều thống nhất là năm 2014, ông H có đóng 9 bộ cửa cho vợ chồng anh T chị N với giá 42 triệu đồng. Ông H đã đóng và lắp đặt xong cửa cho gia đình anh T chị N nhưng vợ chồng anh chị chưa thanh toán tiền cửa cho ông H.

Ngày 03/3/2015, vợ chồng anh T chị N đã làm giấy chuyển nhượng nhà đất cho bà Nguyễn Thị B (Giấy viết tay) có xác nhận của Ban quản lý xóm B và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N với diện tích là 88,8m² và một ngôi nhà 2 tầng trên đất, diện tích sử dụng là 168m². Giấy chuyển nhượng này có hiệu lực từ ngày 30/3/2015, có một người ký làm chứng là ông Nguyễn Văn H.

Ngày 03/4/2015, tại gia đình bà B, gồm có bà B, ông H, anh T cùng nhau ký vào bản cam kết trong hạn 15 ngày anh T phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho bà B, bà B có trách nhiệm hoàn trả số tiền 42 triệu đồng cho ông H khi đã nhận đủ các giấy tờ chuyển nhượng từ anh T. Nếu một trong các bên không hoàn thành thì biên bản này không có hiệu lực.

Ngày 04/5/2015, anh T, chị N và bà B mới hoàn tất thủ tục bán nhà, đất tại Văn phòng công chứng Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Ngày 07/5/2015 bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất.

Ngày 23/12/2015 âm lịch (Tức ngày 01/2/2016 dương lịch) bà B trả số tiền 10 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị H1, vợ ông H có giấy biên nhận ghi là trả tiền cửa.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Xuân T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Hợp đồng mua bán và lắp đặt cửa giữa ông H với vợ chồng anh T chị N năm 2014 đã được thực hiện xong. Nhưng anh T chị N chưa thanh toán tiền, được ông H đồng ý cho nợ lại 42 triệu đồng. Nay ông H khởi kiện yêu cầu anh T chị N phải trả cho ông số tiền trên là có căn cứ. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào bản cam kết ngày 03/4/2015 để buộc bà B phải trả nợ cho ông H là không có căn cứ. Bởi vì: Đây là bản cam kết có điều kiện là trong thời hạn 15 ngày vợ chồng anh T chị N phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho bà B thì bà B mới có trách nhiệm trả nợ cho ông H 42 triệu đồng. Nhưng khi hết 15 ngày theo như cam kết, vợ chồng anh T chị N không hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho bà B. Do vậy cam kết này không có giá trị và không có hiệu lực pháp luật. Mặc dù bà B đã trả cho ông H 10 triệu đồng và lời khai của những người làm chứng cũng không thể làm căn cứ quyết định nghĩa vụ trả nợ sang cho bà B như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Mặt khác căn cứ vào giấy bán nhà ngày 03/3/2015, giấy bán nhà có công chứng ngày 04/5/2015 và giấy bàn giao nhà thì vợ chồng anh T chị N đã bán cho ông bà B T toàn bộ nhà đất (Trong đó có cả 9 bộ cửa) với giá 900 triệu đồng. Anh T chị N đã nhận đủ số tiền đó nên nghĩa vụ trả nợ 42 triệu đồng tiền cửa thuộc về vợ chồng anh T chị N.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên Tòa hôm nay vợ chồng ông T bà B thống nhất không đòi lại số tiền 10.000.000^d đã trả cho ông H trước đó nên số tiền còn lại mà vợ chồng anh T chị N còn phải trả cho ông H là 32.000.000^d.

2.Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp trong quá trình giải quyết vụ án. Theo quan điểm của Viện kiểm sát thì đây là tranh chấp hợp đồng gia công lắp đặt cửa, trong khi Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp là kiện đòi tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vợ chồng anh T chị N có hợp đồng đặt mua của ông H 9 bộ cửa với giá 42 triệu đồng (Hợp đồng miệng) ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là giao cửa và lắp đặt. Hai bên không có tranh chấp gì về mẫu mã, chất lượng. Vợ chồng anh T chị N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền,

ông H đồng ý cho nợ lại. Khi vợ chồng anh T chị N làm ăn thua lỗ phải bán nhà nhưng vẫn chưa trả tiền cửa cho ông H nên ông H đã khởi kiện đòi nợ (Tiền) đối với vợ chồng anh T chị N, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền) là có căn cứ. Nhưng việc áp dụng điều 256 Bộ luật Dân sự 2005 là chưa chính xác, mà phải áp dụng điều 428, 438 Bộ luật Dân sự 2005.

3. Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của ông bà B T là có căn cứ nên cần được chấp nhận; quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Án phí: bị đơn anh Nguyễn Khánh T và chị Quách Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T.

2. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/2017/KNPT-DS ngày 26/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn anh Nguyễn Khánh T, chị Quách Thị N phải trả 32.000.000^d (Ba mươi hai triệu đồng) cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

4. Án phí: Anh Nguyễn Khánh T và chị Quách Thị N phải nộp 1.600.000^d án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Xuân T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0003713 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao, VKSND Cấp Cao
tại Hà Nội;

- VKSND tỉnh Hòa Bình;

- TAND huyện Y;

- Chi cục THA huyện Y;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vận